

Số: 48/PVIRE-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 01/10/2013 và các Giấy phép điều chỉnh
- Vốn điều lệ: 728.000.000.000 VND (Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng)
- Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 3734 2828
- Số fax: (024) 3734 2626
- Website: <http://www.pvire.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (HNX): PRE

#### ❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng 07/2011, Tổng công ty Tái bảo hiểm PVI – công ty con của PVI Holdings, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được thành lập với sứ mệnh trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu quốc tế.
- Tháng 10/2013, việc tăng vốn điều lệ lên 668 tỷ đồng thông qua cổ phần hóa là một mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đưa Công ty trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (“PVI Re”), góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm của Công ty.
- Tháng 05/2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Năm 2018, sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, PVI Re nhận được Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính, hoạt động với vốn điều lệ thực góp là 728 tỷ đồng.
- Năm 2019, PVI Re được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 26/11/2019 và Đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, góp phần đem lại hình ảnh minh bạch hơn trong mắt công chúng.

- Ngày 30/09/2020, cổ phiếu của PVI Re được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PRE. Sau đó, ngày 24/12/2020, cổ phiếu PRE đã chính thức giao dịch trên HNX với mức giá tham chiếu 20.000 đồng.
- Ngày 20/07/2021 đánh dấu 10 năm PVI Re được thành lập và đi vào hoạt động. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, PVI Re đã vươn mình trở thành một công ty Tái bảo hiểm hoạt động tích cực tại Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.
- Tháng 09/2022, PVI Re nhận được Giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp cho phép Công ty mở rộng nội dung hoạt động: Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm). Do đó, công ty tiếp tục cung cấp thêm nhiều dịch vụ cho thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.
- Trong năm 2022, PVI Re thực hiện triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 1.044 tỷ đồng. PVI Re đã nhận được Giấy phép chào bán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hiện tại, PVI Re đang triển khai hoàn tất các thủ tục để ghi nhận số vốn điều lệ mới.

❖ **Các danh hiệu mà Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã đạt được:**

- Năm 2019, Bộ Tài chính trao tặng bằng khen ghi nhận với những thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Năm 2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng năng lực tài chính của PVI Re ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực) và được duy trì cho đến nay.
- Ngày 20/06/2022, PVI Re đã được IR Awards ghi nhận và đánh giá là một trong số ít các doanh nghiệp niêm yết thuộc lĩnh vực bảo hiểm đạt chuẩn, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Năm 2022, PVI Re cũng vinh dự được Bộ Trưởng Bộ Tài chính trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2021 và thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 – 2021. Đây là sự ghi nhận đối với những nỗ lực không ngừng của PVI Re trong việc cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm cho thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ cũng như các hoạt động an sinh xã hội.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

**2.1. Ngành nghề kinh doanh: Tái bảo hiểm**

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ phi bảo hiểm nhân thọ sau đây:
  - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
  - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;
  - Bảo hiểm xe cơ giới;
  - Bảo hiểm cháy, nổ;

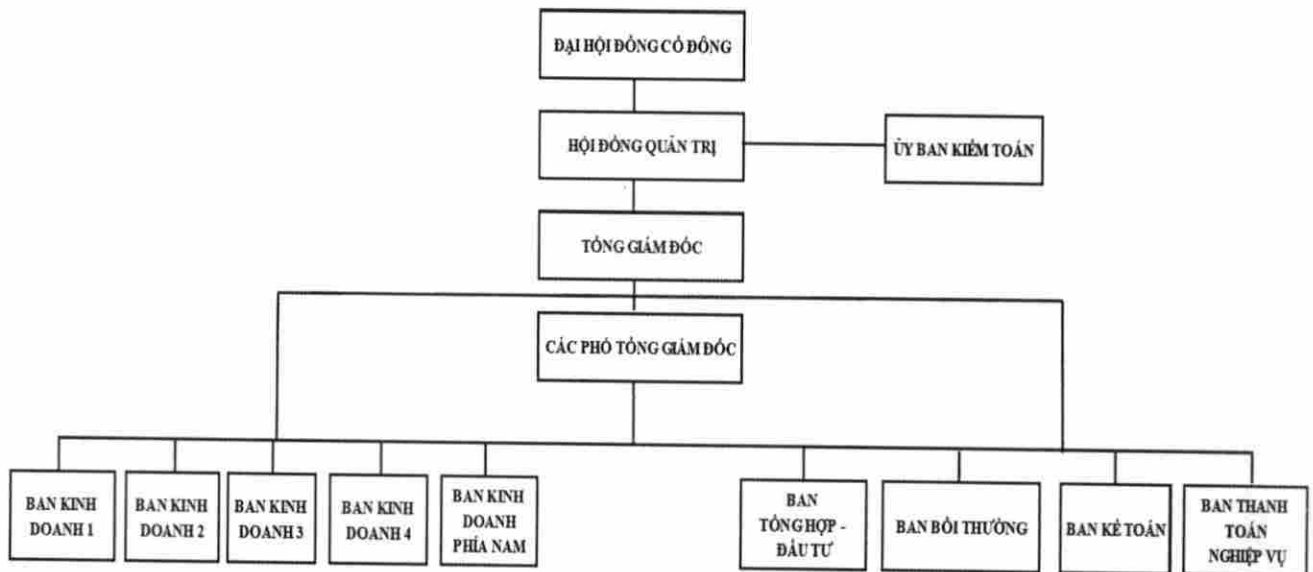
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe;
- ❖ Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm).
- ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

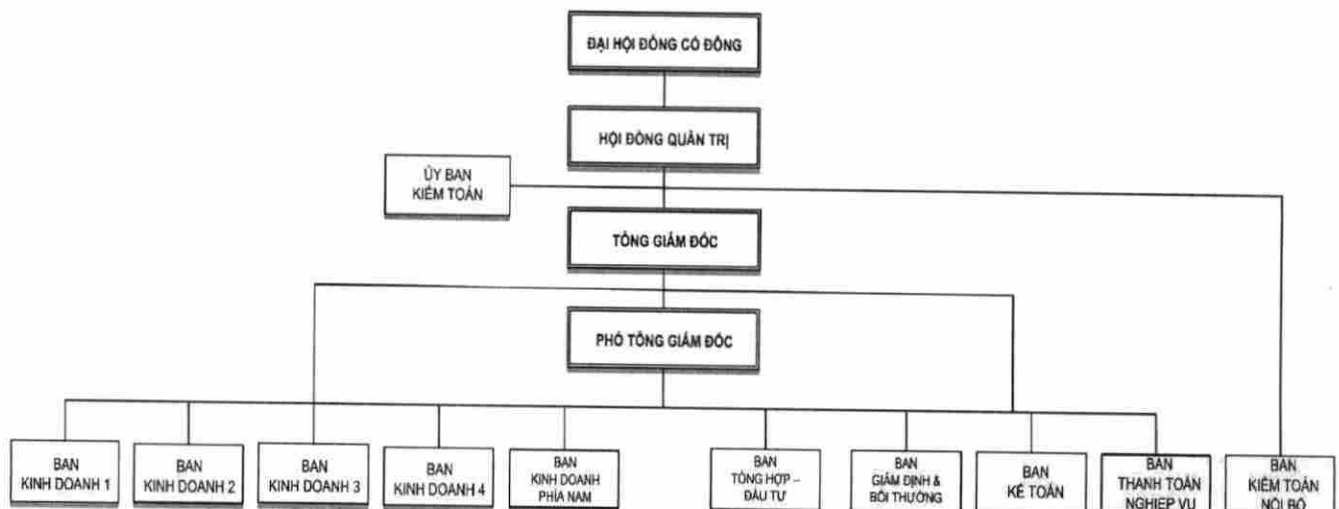
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Mô hình quản trị:

- Năm 2022:



- Từ 01/01/2023:



*Amv*

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

PVI Re hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”) (đảm bảo 20% số thành viên HĐQT là thành viên độc lập), Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”) trực thuộc HĐQT và Tổng giám đốc.

#### ❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ thông qua những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bổ sung và sửa điều lệ, quyết định bộ máy điều hành của Công ty.

#### ❖ Hội đồng quản trị

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HĐQT bao gồm 05 thành viên trong đó cả 05 thành viên đều không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT	Không
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT	Không
Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Không
Trần Duy Cương	Thành viên HĐQT	Không
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT	Không

#### ❖ Ủy ban Kiểm toán

PVI Re hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, đối với cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban Kiểm soát, công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ủy ban kiểm toán có chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty, giám sát hệ thống báo cáo tài chính, rà soát báo cáo tài chính, công bố thông tin và báo cáo cho HĐQT các vấn đề trọng yếu có liên quan.

Hiện tại, Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên là ông Trịnh Văn Lượng và ông Trần Duy Cương; trong đó, ông Trịnh Văn Lượng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Thành viên độc lập HĐQT của Công ty.

#### ❖ Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT

Căn cứ theo khoản 1 Điều 85 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023, nhằm kiện toàn công tác quản trị và đáp ứng các quy định mới của Luật, PVI Re đã thành lập thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng nhiệm vụ là kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán

hoạt động và kiểm toán các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Hiện tại, Ban Kiểm toán nội bộ có 01 chuyên viên cao cấp phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ là bà Bùi Linh Hương.

#### ❖ Ban Điều hành

Ban Điều hành của PVI Re có 05 thành viên. Tổng Giám đốc lãnh đạo điều hành toàn bộ hoạt động của PVI Re theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ PVI Re và các quy định pháp luật khác có liên quan trên nguyên tắc đảm bảo doanh nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững.

Tổng Giám đốc phân công và ủy quyền điều hành cho các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng các công việc trong từng lĩnh vực.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chủ động chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp, xuyên suốt đến kết quả cuối cùng, ký các văn bản, hồ sơ, quyết định liên quan đến các công việc được phân công và ủy quyền đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các quy định của PVI Re.

Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Thương mại Quốc tế và tài chính
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư thiết bị điện, điện tử
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán

#### ❖ Các Ban chức năng

Các Ban trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành.

#### 4. Định hướng phát triển:

##### 4.1. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Tầm nhìn: Trở thành nhà Tái bảo hiểm số 1 Việt Nam và có thương hiệu trên thị trường quốc tế.
- Sứ mệnh:
  - + Cung cấp năng lực tái bảo hiểm an toàn, cạnh tranh
  - + Tích lũy dòng tiền, đầu tư hiệu quả
- Giá trị cốt lõi:
  - + Chuyên nghiệp



- + Tôn trọng cam kết
- + Tuân thủ và minh bạch
- Quan điểm phát triển: Phát triển hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích cho người lao động, khách hàng và các cổ đông.

#### **4.2. Các mục tiêu kế hoạch năm 2023:**

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận tái bảo hiểm tạm thời. Tìm kiếm thị trường quốc tế mới có thể hỗ trợ các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời.
- Liên tục mở rộng và tìm kiếm khách hàng, đa dạng hóa hoạt động phụ trợ bảo hiểm và đánh giá kỹ thuật chuyên sâu cho tổ chức tài chính.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường trong nước đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Chú trọng đánh giá hiệu quả từng hợp đồng khai thác, tăng mức giữ lại hợp lý.
- Đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.
- Hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ, ghi nhận đủ vốn góp mới trong đầu năm 2023.
- Hoàn thành công tác đổi tên và công bố logo mới.

#### **5. Các rủi ro:**

##### **5.1. Rủi ro về kinh tế**

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay không phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: Tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó mang lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

##### *a. Rủi ro về lãi suất*

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Với đặc thù ngành bảo hiểm, các biến động trong lãi suất có thể gây ra biến động lớn trong giá trị tài sản và giá trị nợ phải trả của công ty. Về phía tài sản, biến động lãi suất có ảnh hưởng lớn đến thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư của công ty đồng thời tác động lên biến động giá trên thị trường chứng khoán, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư tài chính của Công ty. Tính đến 31/12/2022, các khoản đầu tư tài chính của PVI Re là 2.103 tỷ đồng, chiếm khoảng 35,4% tổng tài sản và chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và đầu tư vào các đơn vị khác. Công ty phải đối mặt với rủi ro giảm hiệu quả đầu tư tài chính nếu xu hướng lãi suất tiền gửi biến động giảm mạnh trong tương lai.

Về phía nợ phải trả, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ nợ trong tương lai của công ty đối với các chủ hợp đồng. Lãi suất thấp hơn cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của công ty, làm cho các sản phẩm bảo hiểm kém hấp dẫn hơn, dẫn đến doanh thu và thu nhập dưới dạng phí nhận tái bảo hiểm thấp hơn. Ngoài ra, lãi suất tăng cũng ảnh hưởng đến kế hoạch vay nợ tài chính của Công ty khi làm tăng gánh nặng chi phí lãi suất.

Như vậy, yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Công ty đặc biệt sát sao theo dõi tác động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. PVI Re quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường tại thời điểm đầu tư để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của công ty. Ngoài ra, PVI Re xây dựng mức bù rủi ro theo phân loại tài sản để xác định được lãi suất kỳ vọng của sản phẩm đầu tư.

#### *b. Rủi ro về tín dụng*

Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động kinh doanh đầu tư tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ tài chính khác). Trong đó, rủi ro tín dụng từ hoạt động tái bảo hiểm là rủi ro khách hàng không thanh toán phí đúng theo cam kết và tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng tái bảo hiểm phát sinh (trong trường hợp PVI Re là bên nhận tái bảo hiểm) cũng như rủi ro đến từ việc đối tác tái bảo hiểm không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản bồi thường tái bảo hiểm cho công ty kịp thời (trong trường hợp PVI Re là bên nhượng tái bảo hiểm). Bên cạnh đó, rủi ro tín dụng cũng là một cấu phần của hoạt động đầu tư tài chính khi tiềm ẩn nguy cơ ngân hàng mất khả năng thanh toán hoặc thanh toán không đúng cam kết, không đúng hạn và/hoặc rủi ro đến từ việc giá trị các khoản đầu tư của công ty suy giảm do kết quả kinh doanh của đối tác biến động tiêu cực.

Một nguồn rủi ro tín dụng khác là khi công ty bị hạ xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế do hoạt động kinh doanh kém. Tuy nhiên, cho đến nay PVI Re đã luôn nỗ lực để nâng cao xếp hạng quốc tế đánh giá bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính hàng đầu thế giới AM Best. Năm 2019, AM Best đã nâng hạng tín nhiệm năng lực tài chính của PVI Re từ B+ lên B++ và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành từ "bbb-" lên "bbb", với triển vọng ổn định cho cả hai chỉ tiêu này. Năm 2022, PVI Re tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm trên.

#### *c. Rủi ro về ngoại hối*

Rủi ro về ngoại hối là rủi ro gây ra bởi những biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường lên những tài khoản có trạng thái ngoại tệ của công ty. Đối với các rủi ro PVI Re cần tái bảo hiểm, chênh lệch tỷ giá có thể gây ra bất lợi cho PVI Re trong trường hợp có sự chênh lệch về điều kiện, điều khoản thanh toán, mà cụ thể là điều kiện về đồng tiền thanh toán,

giữa hợp đồng nhận tái bảo hiểm và hợp đồng nhượng tái bảo hiểm. Tỷ giá biến động mạnh cũng sẽ ảnh hưởng đến việc đánh giá lại và ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

#### *d. Rủi ro về thanh toán*

Rủi ro thanh toán đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm là rủi ro công ty đó không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh toán có thể suy giảm trong các trường hợp danh mục đầu tư của công ty gặp khó khăn, do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp hoặc giá trị thanh khoản không đạt kỳ vọng. Đối với PVI Re, để đảm bảo khả năng thanh toán cho những khoản bồi thường có thể phát sinh, công ty luôn duy trì một tỷ trọng lớn tiền gửi trong tổng danh mục đầu tư; đồng thời theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

### **5.2. Rủi ro về luật pháp**

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Rủi ro pháp lý hình thành do sự hiện diện của các rủi ro vi phạm các quy định pháp luật phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. PVI Re đối mặt với rủi ro pháp lý khi không tuân thủ, không đáp ứng được hoặc không kịp thời cập nhật các quy định sửa đổi, bổ sung của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm và các quy định của luật pháp liên quan. Rủi ro pháp lý cũng tiềm ẩn khi PVI Re phát sinh tranh chấp với khách hàng nhận/nhượng tái bảo hiểm của công ty. Để kiểm soát các rủi ro này, PVI Re đã và đang thường xuyên cập nhật và sửa đổi kịp thời các quy định, chính sách, quy trình phù hợp với các quy định pháp luật, đồng thời chú trọng đào tạo pháp lý và tuân thủ cho toàn thể cán bộ, nhân viên PVI Re.

Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng và chi phối bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định về thuế, các quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng nhiều quy định khác. Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào hoặc sự chậm trễ trong việc ban hành đồng bộ các quy định pháp luật cũng tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của PVI Re.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, PVI Re sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

### **5.3. Rủi ro đặc thù**

Bên cạnh những rủi ro về nền kinh tế, rủi ro về môi trường pháp lý, cũng như những doanh nghiệp bảo hiểm khác, Công ty phải đối mặt với các rủi ro về thị trường, rủi ro trong hoạt động và rủi ro về quản lý và nhân sự.



#### *a. Rủi ro thị trường*

Khi Việt Nam gia nhập AFTA, APEC, WTO, CPTPP, EVFTA và hiệp định thương mại Việt - Mỹ, thì sự gia nhập của các công ty bảo hiểm nước ngoài sẽ làm thay đổi tính chất cạnh tranh của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Điều đó tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với tất cả các công ty kinh doanh bảo hiểm trong nước. Các công ty trong nước có động lực để phát triển khi hòa mình vào môi trường công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, tuy nhiên, họ phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có bề dày kinh nghiệm, công nghệ và tiềm lực tài chính vượt trội. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm trong nước phát triển khiến cho ngày một nhiều các công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm với các gói bảo hiểm, chính sách bảo hiểm đa dạng ra đời. Bản thân các công ty trong nước cũng phải không ngừng cạnh tranh lẫn nhau để giữ vững và mở rộng thị trường.

#### *b. Rủi ro trong hoạt động*

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm và mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng. Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm, việc đánh giá rủi ro được chấp thuận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời của thông tin được giám định, cung cấp từ khách hàng và đối tác nhượng tái bảo hiểm. Đây là rủi ro lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### *c. Rủi ro về quản lý và nhân sự*

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, cạnh tranh lớn nên quản lý và nhân sự cũng là một trong những yếu tố tác động đến hoạt động của Công ty. Nếu có chính sách cho người lao động tốt, lương và đãi ngộ tốt sẽ thu hút được cán bộ giỏi, ngược lại, Công ty sẽ gặp khó khăn khi không có lao động trình độ cao. Đây cũng là rủi ro tiềm ẩn nếu PVI Re không có chiến lược đúng đắn về mặt quản lý và nhân sự.

#### *d. Rủi ro khác*

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu; không phát triển được những sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường. Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với công ty tái bảo hiểm. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, ... Những sự kiện bất thường như thảm họa thiên tai, thảm kịch quy mô lớn có thể làm ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của công ty thông qua việc gây ra các khoản chi bồi thường lớn.

## II. Tình hình hoạt động năm 2022

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm so với năm 2021
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	5.028.168	5.941.579	18,17%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	894.842	923.734	3,23%
TỔNG DOANH THU	2.026.604	2.901.604	43,18%
<i>Doanh thu nhận TBH</i>	1.630.119	2.444.144	49,94%
<i>Thu hoa hồng nhượng TBH</i>	222.434	246.079	10,63%
<i>Doanh thu khác từ HĐKD bảo hiểm</i>	18.734	27.800	48,40%
<i>Doanh thu hoạt động ĐTTC</i>	154.877	183.582	18,53%
<i>Doanh thu khác</i>	440	0	
TỔNG CHI PHÍ	1.844.004	2.711.324	47,03%
<i>Phí nhượng TBH</i>	972.717	1.251.571	28,67%
<i>Chi trả bồi thường thuộc TNGL</i>	199.578	377.001	88,90%
<i>Trích lập dự phòng nghiệp vụ</i>	115.390	332.047	187,76%
<i>Hoa hồng nhận TBH</i>	414.737	588.279	41,84%
<i>Chi khác HĐKD bảo hiểm</i>	75.302	88.024	16,89%
<i>Chi phí quản lý</i>	39.075	35.631	-8,81%
<i>Chi phí HD ĐTTC</i>	27.159	38.771	42,76%
<i>Chi phí khác</i>	47	0	
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	182.599	190.281	4,21%
<i>Lợi nhuận từ HĐKD bảo hiểm</i>	54.489	45.470	-16,55%
<i>Lợi nhuận từ HĐ ĐTTC</i>	127.717	144.811	13,38%
<i>Lợi nhuận khác</i>	393	0	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	145.781	152.661	4,72%

Nguồn: BCTC kiểm toán PVI Re năm 2021, 2022

#### **Đánh giá:**

Trong năm 2022, PVI Re tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng, không tái tục đối với các dịch vụ không hiệu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cân trọng hơn trong nhận tái bảo hiểm nước ngoài, đẩy mạnh

khai thác thị trường trong nước.

Năm 2022, tổng doanh thu đạt 2.901 tỷ đồng, hoàn thành 135,6% kế hoạch, tăng 43,18% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.444 tỷ đồng, hoàn thành 148,8% kế hoạch, tăng gần 50% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng chi phí trong năm 2022 của Công ty là 2.711,3 tỷ đồng, tương đương 137,6% kế hoạch.

PVI Re đã hoàn thành vượt mức kế hoạch với lợi nhuận trước thuế đạt 190,3 tỷ đồng, tương đương 111,8% kế hoạch. Đây là mức lợi nhuận cao nhất Công ty đạt được trong lịch sử kể từ khi thành lập.

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2022 đạt 144,8 tỷ đồng, tăng 13,4% so với năm 2021 và hoàn thành 121% so với kế hoạch đề ra. Kết quả đạt là do hoạt động đầu tư tài chính của công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả vẫn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định. Bên cạnh đó, Công ty đã tích cực thu đòi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Với kết quả kinh doanh và lợi nhuận trên, trong năm 2022, Công ty đã thực hiện 2 đợt chi trả cổ tức bằng tiền, trong đó: thực hiện chi trả cổ tức lần 2 (lần cuối) năm 2021 là 7% và tạm ứng lần 1 cổ tức năm 2022 vào tháng 12/2022 với tỷ lệ 9%.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu
Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc	1981	Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 86.982 cổ phần chiếm 0,12% vốn điều lệ
Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc	1973	Thạc sỹ Thương mại quốc tế và Tài chính	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần (chiếm 0,014% vốn điều lệ)
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc	1976	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần (chiếm 0,07% vốn điều lệ)
Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc	1976	Kỹ sư thiết bị điện, điện tử	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10 cổ phần (chiếm 0,00 % vốn điều lệ)
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng	1986	Cử nhân Kế toán	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0,00 % vốn điều lệ)

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Nguyễn Anh Hùng	1976	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2022
2	Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	1984	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2022 do chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2022: 39 người.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Đơn vị: Tỷ đồng

Hình thức đầu tư	Số dư đầu tư
Tiền gửi	1.308,96
Trái phiếu	122,58
Ủy thác đầu tư	100,93
Quỹ đầu tư (PIF + POF)	578,55

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	5.028.168	5.941.579	18%
Vốn chủ sở hữu	894.842	923.734	3%
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	1.630.119	2.444.144	50%
Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại	657.403	1.192.573	81%
Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính	154.877	183.582	19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	54.489	45.470	-17%
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính	127.717	144.811	13%
Lợi nhuận khác	393	0	
Lợi nhuận trước thuế	182.599	190.281	4%
Lợi nhuận sau thuế	145.781	152.661	5%

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,03	1,02	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,98	0,95	Lần
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	82%	84%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,62	5,43	Lần
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14,5%	11,0%	

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,9%	16,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,1%	2,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18,1%	13,8%	
<i>4. Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>			
Tỷ lệ kết hợp (Combined ratio)	91%	95%	
Tỷ lệ tổn thất (Loss ratio)	43%	46%	
Tỷ lệ chi phí hoạt động (Expense ratio)	49%	49%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 72.800.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 72.800.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

### b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 16/12/2022 bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam):

Danh mục	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Tổng
<b>1. Cổ đông Nhà nước:</b>	0%	0%	0%
<b>2. Cổ đông khác:</b>			
- Cá nhân	24,97%	0,21%	25,18%
- Tổ chức	74,60%	0,22%	74,82%
<b>Tổng</b>	<b>99,57%</b>	<b>0,43%</b>	<b>100%</b>

Danh mục	Tỷ lệ
1. Cổ đông lớn	82,99%
2. Cổ đông nhỏ	17,01%

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, PVI Re đã thực hiện các đợt thay đổi vốn, cụ thể như sau:



Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VND)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 10/2013	Tổng công ty chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu của các cổ đông để tăng vốn điều lệ từ 460.000.000.000 đồng lên 668.000.000.000 đồng.			+ Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013.
Tháng 10/2016 đến tháng 09/2018	6.000.000	728.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2016; + Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018.

Chi tiết từng đợt tăng vốn như sau:

**Chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang Công ty cổ phần**

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 460.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 668.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu: 66.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông: 74 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Bộ Tài chính

**Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 668.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 728.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 6.000.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 167:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 167 quyền mua được mua 15 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 57 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 57 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn năm 2016: Bộ Tài chính, Đại hội đồng cổ đông công ty.

Thay đổi vốn điều lệ Công ty trong năm 2022: Không có.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.**

**e. Các chứng khoán khác: Không có.**

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

**b. Chính sách liên quan đến người lao động**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số nhân viên của Công ty là 39 người.

**Chính sách đối với người lao động:**

***Chế độ làm việc***

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ, chế độ nghỉ lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

***Chính sách tuyển dụng, đào tạo***

Hàng năm Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty cũng thường xuyên bổ sung nhân sự phù hợp với nhu cầu công việc với các chính sách để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

***Chính sách lương, thưởng, phúc lợi***

***Chính sách lương và thưởng:*** Công ty có chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kì, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể căn cứ vào hiệu quả công việc cũng như những thành tích nổi bật.

***Bảo hiểm và phúc lợi:*** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ nhân viên. Năm 2022, Công ty đã triển khai mua bảo hiểm phúc lợi cho các cán bộ cấp cao nhằm tăng tính gắn kết lâu dài của người lao động với Công ty.

### c. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2022, PVI Re đã tham gia các phong trào phát động tại địa phương, đóng góp vào các quỹ hỗ trợ và các hoạt động từ thiện khác như hiến máu nhân đạo, thực hiện chuyển thiện nguyện đến với điểm trường liên cấp xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

So với kết hoạch kinh doanh 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kết quả kinh doanh năm 2022 đã đạt được như sau:

- Tổng doanh thu đạt **2.901** tỷ đồng, hoàn thành 135,6% kế hoạch; trong đó doanh thu từ phí nhận TBH đạt 2.444 tỷ đồng, hoàn thành 148,8% kế hoạch.
- Tổng chi phí là **2.711,3** tỷ đồng, tương đương 137,6% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **190,3** tỷ đồng, tương ứng 111,8% kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 45,5 tỷ đồng, hoàn thành 90,7% kế hoạch; lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 144,8 tỷ đồng, hoàn thành 120,7% kế hoạch và tăng trưởng 13,4% so với cùng kỳ.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	2021		2022		Tăng giảm	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	+/-	%
Tiền và các khoản đầu tư tài chính	2.001.540	40%	2.704.518	46%	702.978	35%
Các khoản phải thu ngắn hạn	417.008	8%	493.970	8%	76.962	18%
Tài sản tái bảo hiểm	2.375.597	47%	2.328.532	39%	-47.065	-2%
Tài sản khác	234.023	5%	414.560	7%	180.537	77%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.028.168</b>	<b>100%</b>	<b>5.941.579</b>	<b>100%</b>	<b>913.412</b>	<b>18%</b>
Nợ phải trả	778.765	15%	1.378.303	23%	599.538	77%
Dự phòng nghiệp vụ	3.354.561	67%	3.639.543	61%	284.982	8%
Vốn chủ sở hữu	894.842	18%	923.734	16%	28.892	3%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>5.028.168</b>	<b>100%</b>	<b>5.941.579</b>	<b>100%</b>	<b>913.412</b>	<b>18%</b>

Tổng tài sản của PVI Re tại thời điểm 31/12/2022 đạt 5.941,6 tỷ đồng, so với thời điểm cuối năm 2021 tăng 913 tỷ đồng (18%), chủ yếu do tiền và các khoản đầu tư tài chính tăng 703 tỷ đồng (trong đó có 588 tỷ tiền vốn góp của các cổ đông) và tài sản khác tăng 180 tỷ (trong đó chi phí hoa hồng chưa phân bổ tăng 168 tỷ đồng so với năm trước). Tại thời điểm 31/12/2022 Phải thu ngắn hạn khách hàng là 493 tỷ đồng, tăng 18% so với thời điểm đầu năm.

Về Cơ cấu tài sản tại thời điểm cuối năm 2022, tiền và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 2.704,5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng cao nhất 46% tổng tài sản, các khoản đầu tư tài chính của PVI Re chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, đầu tư vào 2 quỹ POF, PIF và trái phiếu chờ đến ngày đáo hạn. Tài sản tái bảo hiểm có giá trị 2.328,5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 39% tổng tài sản, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Phải thu ngắn hạn khách hàng chiếm 8% trong cơ cấu tài sản. Các khoản nợ phải thu chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm và được trích dự phòng đầy đủ theo đúng qui định.

#### **b. Cơ cấu nguồn vốn**

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 1.378 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 23% tổng nguồn vốn và tăng 599,5 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, do tăng khoản công nợ phải trả khác (588 tỷ) là tiền vốn góp của cổ đông, còn lại chủ yếu là công nợ thanh toán tái bảo hiểm.

Các khoản dự phòng nghiệp vụ là 3.639 tỷ đồng, có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn vốn chiếm 61%, tăng 285 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

Về Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 là 923,7 tỷ đồng, tăng 28,9 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, một phần do lợi nhuận sau thuế năm nay tăng so với năm 2021, ngoài ra, chi trả cổ tức 2 đợt bằng tiền mặt trong năm 2022 tương đương tỷ lệ 16% trong khi năm 2021 chi trả cổ tức 3 đợt với tỷ lệ 25% (chi trả cổ tức 2 đợt năm 2020 với tỷ lệ 16% và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021 cho các cổ đông vào tháng 12/2021 với tỷ lệ 9%).

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Để tăng cường các công tác quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ, PVI Re đã ban hành các Quy định, Quy chế liên quan; thực hiện bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty kể từ ngày 01/04/2022; bổ nhiệm thay thế 01 Giám đốc Quản trị rủi ro kể từ ngày 17/05/2022; thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT từ 01/01/2023 với chức năng kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và các nội dung theo yêu cầu.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận tái bảo hiểm tạm thời. Tìm kiếm thị trường quốc tế mới có thể hỗ trợ các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời.
- Liên tục mở rộng và tìm kiếm khách hàng, đa dạng hóa hoạt động phụ trợ bảo hiểm và đánh giá kỹ thuật chuyên sâu cho tổ chức tài chính.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường trong nước đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Chú trọng đánh giá hiệu quả từng hợp đồng khai thác, tăng mức giữ lại hợp lý.
- Đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.

**5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:** đã báo cáo tại phần Tình hình hoạt động năm 2022.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Hoàn thành kế hoạch kinh doanh:**

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2022, HĐQT PVI Re đã chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao như sau:

- Tổng doanh thu đạt 2.901,6 tỷ đồng, tương đương 135,6% so với kế hoạch;
- Tổng chi phí là 2.711,3 tỷ đồng, tương đương 137,6% so với kế hoạch;
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 190,3 tỷ đồng, tương đương 111,8% kế hoạch;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức vượt mức dự kiến là 16%, đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022 lần 1 vào tháng 11/2022 với tỷ lệ 9%..

##### **2. Hoạt động đầu tư tài chính hiệu quả:**

Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2022 đạt 2.064,5 tỷ đồng, tăng 222,5 tỷ đồng so với năm 2021. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính đạt 144,8 tỷ đồng, hoàn thành 120,7% so với kế hoạch đề ra. Tỷ trọng Lợi nhuận đầu tư tài chính trên Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 76%.

Trong năm 2022, PVI Re ghi nhận sự chuyển đổi về cơ cấu danh mục đầu tư: tăng đầu tư vào các Quỹ; tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư các khoản trái phiếu (theo hình thức Ủy thác đầu tư) đối với các khoản trái phiếu hết hạn trong năm. Cơ cấu đầu tư tiền gửi ngân hàng giảm từ 65% (năm 2021) xuống còn 62%.

##### **3. Công tác quản trị công ty:**

Hệ thống quản trị nội bộ được chú trọng và nâng cao: hoàn thiện dự án tư vấn triển khai hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ (ERM); cử nhân sự tham gia dự án xây dựng báo cáo tài chính chuẩn IFRS.

Về công tác tăng vốn điều lệ, PVI Re đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc tăng vốn điều lệ lên 1044 tỷ đồng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. PVI Re đã nhận được toàn bộ số tiền góp vốn 632 tỷ đồng, hoàn thành 100% đợt chào bán. Kết quả chào bán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo công văn số 582/UBCK-QLCB ngày 14/02/2023.

##### **4. Xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best:**

Tháng 02/2022, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã tiếp tục khẳng định xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực) đối với PVI Re.

##### **5. Công tác quan hệ cổ đông:**

PVI Re là doanh nghiệp đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán luôn minh bạch và tuân thủ các quy định về công bố thông tin. Các thủ tục chốt danh sách cổ đông và chốt quyền của cổ đông cũng được chú trọng và thực hiện theo đúng các quy định, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại từ phía cổ đông. PVI Re cũng duy trì kênh thông tin truyền thông để giải đáp các thắc mắc, câu hỏi của các cổ đông và nhà đầu tư một cách kịp thời.



## **6. Công tác giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý:**

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đã thực hiện giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty trong năm 2022:

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tham dự các cuộc họp giao ban của Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý;
- Kịp thời chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành kiện toàn công tác nhân sự;
- Theo sát hoạt động kinh doanh của Công ty, ký các văn bản, xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT do Tổng giám đốc trình;
- Về công tác đầu tư, HĐQT đã sát sao chỉ đạo Ban điều hành theo dõi các biến động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

## **7. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Chỉ đạo PVI Re hoàn thành kế hoạch năm 2023.
- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp, chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận.
- Chỉ đạo hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ trong đầu năm 2023.
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát, kiểm toán nội bộ. Chỉ đạo hoàn thiện và triển khai hệ thống kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro. Tiếp tục cử nhân sự tham gia dự án xây dựng báo cáo IFRS17 theo đúng tiến độ yêu cầu.
- Chỉ đạo công tác rà soát, đánh giá và quy hoạch cán bộ.
- Chỉ đạo hoàn thành công tác đổi tên công ty. Xây dựng chương trình ra mắt, truyền thông hình ảnh mới tiếp cận với khách hàng cũng như đối tác.
- Chỉ đạo tối đa hóa hiệu quả quản lý dòng tiền, đa dạng và linh hoạt hơn trong công tác đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính.
- Chỉ đạo xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại để thuận tiện cho việc quản trị hệ thống. Triển khai các dự án công nghệ, phần mềm (Phần mềm theo dõi thu nhập, Thuế TNCN, các báo cáo nghiệp vụ ứng dụng tích hợp các chức năng quản trị khác...).

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Số cổ phần sở hữu/ đại diện
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT	1976	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần đại diện sở hữu: 22.467.239 cổ phần chiếm 30,86% vốn điều lệ
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT	1969	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần đại diện sở hữu: 16.744.864 cổ phần chiếm 23% vốn điều lệ
Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	1969	Cử nhân Tài chính	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 49.091 cổ phần chiếm 0,07% vốn điều lệ
Trần Duy Cương	Thành viên HĐQT	1975	Thạc sỹ Kế toán	Số cổ phần đại diện sở hữu: 14.014.722 cổ phần chiếm 19,25% vốn điều lệ
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT	1995	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	Số cổ phần cá nhân sở hữu: 7.192.814 cổ phần chiếm 9,88% vốn điều lệ

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT PVI Re đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc một cách sâu sát, kịp thời đưa ra những chỉ đạo nhằm giúp Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi, hiệu quả phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI Re cũng như theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT. Một số công việc cụ thể như sau:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, ngoài việc thông qua các nội dung báo cáo định kỳ hàng năm, ĐHĐCĐ đã thông qua nhiều nội dung quan trọng bao gồm: Điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021; Miễn nhiệm chức vụ và Bầu bổ sung thay thế 03 thành viên HĐQT; Mở rộng nội dung hoạt động của Công ty thêm Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm).

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp HĐQT vào các ngày 30/03/2022, 10/06/2022, 24/06/2022, 18/08/2022 và 25/11/2022. Các phiên họp của HĐQT cũng thường xuyên có sự tham gia của các thành viên Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán để cùng nắm bắt được tình hình cũng như đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi đưa ra Nghị quyết, Quyết định. HĐQT đã ban hành 56 Nghị quyết HĐQT, trong đó có 26 Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty.
- HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và đưa ra những chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo và đẩy mạnh các hoạt động để nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ, tập trung chủ yếu vào các nội dung chủ yếu như sau:
  - + Ban hành Tuyên bố khẩu vị rủi ro năm 2022 của PVI Re; Ban hành các Quy chế, Quy định: Quy chế tuân thủ, Quy chế quản trị rủi ro, Quy định Quản lý kinh doanh liên tục, Quy định tiêu chuẩn chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ chủ chốt nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị, giám sát.
  - + Kiện toàn công tác nhân sự: Thực hiện miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế 03 thành viên HĐQT, thực hiện bầu các chức vụ Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 24/06/2022; hoàn thiện quy định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT; bổ nhiệm lại Kế toán trưởng kể từ ngày 15/03/2022; miễn nhiệm và bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/04/2022; bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty kể từ ngày 01/04/2022; bổ nhiệm thay thế 01 Giám đốc Quản trị rủi ro kể từ ngày 17/05/2022; thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và các nội dung theo yêu cầu của HĐQT.
- HĐQT đã chỉ đạo công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 về cả doanh thu và lợi nhuận. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 16% theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và tạm ứng cổ tức bằng tiền lần thứ nhất năm 2022 với tỷ lệ 9%.

d. Các hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

## 2. Ủy ban Kiểm toán

a. Thành viên và cơ cấu của UBKT:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT	Trình độ chuyên môn
1	Trịnh Văn Lượng	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 28/06/2021	Cử nhân Tài chính
2	Trần Duy Cường	Thành viên UBKT	Bổ nhiệm ngày 27/10/2021	Thạc sỹ Kế toán

**b. Hoạt động của UBKT:**

- Cuộc họp của UBKT: 04 cuộc họp
- Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông: Trong năm 2022, UBKT/BKS đã thực hiện 04 Báo cáo Kiểm tra, giám sát; nội dung chủ yếu là về Tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính cũng như tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Các báo cáo này đã được trình bày thảo luận tại các cuộc họp HĐQT.
- Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: HĐQT, Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện để UBKT thực hiện tốt chức năng của mình, UBKT nhận được đầy đủ tài liệu và tham dự các cuộc họp của HĐQT. Các ý kiến của UBKT gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc được chuyển đầy đủ và kịp thời.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán**

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Chi tiết tại Báo cáo tài chính đính kèm.
- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Chi tiết tại Báo cáo tài chính đính kèm.
- d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Không có.

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được đính kèm bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY**

### *Nơi nhận*

- Như trên;
- Lưu VT, TH-ĐT, 3



*Phùng Tuấn Kiên*  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**PVIRe**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

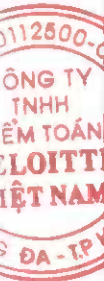
Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 36



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Phúc Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên
Ông Trần Duy Cương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2022)
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trịnh Anh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Số: 0469 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Hoài Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 20 tháng 02 năm 2023*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Mai Thị Thúy Loan**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3837-2021-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>5.125.357.233.075</b>	<b>4.253.525.286.193</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>601.499.861.209</b>	<b>37.995.524.279</b>
1. Tiền	111		601.276.925.892	37.995.524.279
2. Tiền đang chuyển	113		222.935.317	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.329.472.480.000</b>	<b>1.219.628.504.499</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.329.472.480.000	1.219.628.504.499
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>493.969.658.338</b>	<b>417.008.124.001</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>6</b>	500.010.645.276	420.795.181.753
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		459.264.548.182	358.615.337.133
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		40.746.097.094	62.179.844.620
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		434.042.275	915.205.280
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	<b>7</b>	(6.475.029.213)	(4.702.263.032)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>371.883.394.432</b>	<b>203.296.046.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>8</b>	371.883.394.432	203.296.046.069
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		371.763.891.853	203.013.143.158
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		119.502.579	282.902.911
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>15</b>	<b>2.328.531.839.096</b>	<b>2.375.597.087.345</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		579.276.826.818	455.434.180.580
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.749.255.012.278	1.920.162.906.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>816.222.263.520</b>	<b>774.642.581.594</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.244.201.393</b>	<b>679.071.234</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	3.398.248.711	353.430.135
Nguyên giá	222		9.748.665.693	6.299.939.385
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.350.416.982)	(5.946.509.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	845.952.682	325.641.099
Nguyên giá	228		24.747.266.000	23.908.313.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.901.313.318)	(23.582.671.901)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>773.545.450.000</b>	<b>743.915.650.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		773.545.450.000	743.915.650.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.432.612.127</b>	<b>22.047.860.360</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>8</b>	30.432.612.127	22.047.860.360
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>5.941.579.496.595</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>5.017.845.659.465</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.017.845.659.465</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
1. Phải trả cho người bán	312	11	614.647.237.867	632.978.232.297
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		585.093.899.382	597.251.931.058
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		29.553.338.485	35.726.301.239
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	18.110.351.715	16.801.577.870
3. Phải trả người lao động	315		10.366.830.868	22.737.642.700
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	730.017.352.908	100.862.100.626
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		127.944.214.714	96.489.804.916
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		602.073.138.194	4.372.295.710
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.161.195.907	5.385.004.900
6. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.639.542.690.200	3.354.561.109.749
6.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	14	1.187.085.767.903	796.219.120.133
6.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	14	2.291.366.751.963	2.433.029.015.249
6.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	14	161.090.170.334	125.312.974.367
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>923.733.837.130</b>	<b>894.842.199.645</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>923.733.837.130</b>	<b>894.842.199.645</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		61.931.718.308	54.366.308.787
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133.802.118.822	112.475.890.858
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5.941.579.496.595</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	334.232	649.532
Bảng Anh	GBP	224	6.637
Euro	EUR	11.862	4.754

Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022***PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.199.428.178.827	850.981.543.380
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	183.581.687.731	154.876.564.617
3. Thu nhập khác	13	-	440.000.000
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.118.326.593.772	757.417.557.333
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	38.771.122.503	27.159.155.065
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	35.631.294.058	39.074.572.899
7. Chi phí khác	24	-	47.437.439
<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	<b>50</b>	<b>190.280.856.225</b>	<b>182.599.385.261</b>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37.620.184.834	36.818.707.115
<b>10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60=50-51)	<b>60</b>	<b>152.660.671.391</b>	<b>145.780.678.146</b>
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.007	1.842



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>2.053.277.129.546</b>	<b>1.570.511.351.242</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		2.444.143.777.316	1.630.119.137.248
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		390.866.647.770	59.607.786.006
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>1.127.727.932.161</b>	<b>960.697.652.200</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.251.570.578.399	972.716.633.517
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		123.842.646.238	12.018.981.317
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>925.549.197.385</b>	<b>609.813.699.042</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>273.878.981.442</b>	<b>241.167.844.338</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		246.078.951.220	222.434.144.595
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		27.800.030.222	18.733.699.743
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>1.199.428.178.827</b>	<b>850.981.543.380</b>
6. Chi bồi thường	11		937.436.986.841	825.525.728.022
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		560.436.291.722	625.948.058.350
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(141.662.263.286)	365.751.475.406
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(170.907.894.487)	317.672.585.707
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>406.246.326.320</b>	<b>247.656.559.371</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		35.777.195.967	19.722.075.112
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>676.303.071.485</b>	<b>490.038.922.850</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		588.278.957.891	414.737.005.980
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		88.024.113.594	75.301.916.870
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>1.118.326.593.772</b>	<b>757.417.557.333</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>81.101.585.055</b>	<b>93.563.986.047</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	183.581.687.731	154.876.564.617
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	38.771.122.503	27.159.155.065
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		144.810.565.228	127.717.409.552
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	35.631.294.058	39.074.572.899
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		190.280.856.225	182.206.822.700
20. Thu nhập khác	31		-	440.000.000
21. Chi phí khác	32		-	47.437.439
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	392.562.561
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		190.280.856.225	182.599.385.261
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	37.620.184.834	36.818.707.115
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		152.660.671.391	145.780.678.146
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.007	1.842

Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	815.736.756.196	845.095.333.377
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	1.372.592.116	2.000.895.438
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	12	1.289.000.000	-
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(157.232.238.873)	(126.219.539.819)
5. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(440.723.818.163)	(365.675.305.874)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(55.845.552.430)	(30.924.160.142)
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(43.848.373.592)	(40.996.966.388)
8. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.755.126.658)	-
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(49.950.399.468)	(46.046.437.549)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(4.410.301.000)	(4.912.010.833)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(5.362.652.636)	(8.243.373.880)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>58.269.885.492</b>	<b>224.078.434.330</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.350.255.824.497	1.079.959.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	174.420.695.130	138.244.476.553
3. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	23	-	484.000.000
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(1.490.102.280.000)	(1.279.155.424.500)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(3.339.338.308)	(160.390.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>31.234.901.319</b>	<b>(60.628.337.947)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do đi vay	31	121.667.265.940	-
2. Tiền thu do chủ sở hữu góp vốn	32	588.487.320.000	-
3. Tiền đã trả nợ vay	34	(121.667.265.940)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.993.037.155)	(179.671.959.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>473.494.282.845</b>	<b>(179.671.959.375)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>562.999.069.656</b>	<b>(16.221.862.992)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>37.995.524.279</b>	<b>54.685.820.990</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>505.267.274</b>	<b>(468.433.719)</b>
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>601.499.861.209</b>	<b>37.995.524.279</b>

  
Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

  
Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 9 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 728.000.000.000 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ 72.800.000 cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI Holdings"), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày cuối năm		Vốn thực góp tại ngày đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	532.268.250.000	73,11%	532.268.250.000	73,11%
Các cổ đông khác	195.731.750.000	26,89%	195.731.750.000	26,89%
	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 39 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính; và
- Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty.



## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư và các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản trái phiếu được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất của các khoản này biến động theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản ủy thác đầu tư bao gồm các ủy thác đầu tư trái phiếu được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất của các khoản này biến động theo lãi suất thị trường.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và tiền gửi tại tài khoản phong tỏa.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và ủy thác đầu tư vào trái phiếu có thời điểm tất toán được thống nhất trước với công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có).

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán “Ghi nhận chi phí”.

#### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ***

**Dự phòng phí**

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

**Dự phòng bồi thường:**

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**Dự phòng dao động lớn:**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong năm của Tổng Công ty.

***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe***

**Dự phòng toán học**

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

**Dự phòng phí**

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

*Dự phòng bồi thường:*

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

*Dự phòng đảm bảo cân đối:*

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với hoạt động tái bảo hiểm***

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong năm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.





Doanh thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành được xác định tương đối chắc chắn. Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ. Tại thời điểm lập báo cáo doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác định phần công việc đã hoàn thành.

#### **Ghi nhận chi phí**

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm tài chính này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	177.462.444	177.462.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.612.143.448	37.818.061.835
Tiền đang chuyển	222.935.317	-
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa nhận vốn góp (i)	588.487.320.000	-
	<u>601.499.861.209</u>	<u>37.995.524.279</u>

- (i) Phản ánh khoản tiền Công ty Cổ phần PVI – Công ty mẹ nộp vào tài khoản phong tỏa nhận vốn góp ở Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An để mua cổ phiếu phát hành thêm của Tổng Công ty (xem thêm Thuyết minh số 13).



5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.524.472.480.000</b>	<b>1.524.472.480.000</b>	-	<b>1.484.998.704.499</b>	<b>1.484.998.704.499</b>	-
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.329.472.480.000</b>	<b>1.329.472.480.000</b>	-	<b>1.219.628.504.499</b>	<b>1.219.628.504.499</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.105.959.000.000	1.105.959.000.000	-	1.098.591.800.000	1.098.591.800.000	-
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	123.510.480.000	123.510.480.000	-	121.036.704.499	121.036.704.499	-
- Trái phiếu (iii)	100.003.000.000	100.003.000.000	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>195.000.000.000</b>	-	<b>265.370.200.000</b>	<b>265.370.200.000</b>	-
- Trái phiếu (iii)	-	-	-	100.003.000.000	100.003.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	195.000.000.000	195.000.000.000	-	165.367.200.000	165.367.200.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>578.545.450.000</b>	<b>592.868.079.799</b>	-	<b>478.545.450.000</b>	<b>493.586.288.561</b>	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (v)	304.545.450.000	315.500.061.094	-	204.545.450.000	218.193.764.579	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (vi)	274.000.000.000	277.368.018.705	-	274.000.000.000	275.392.523.982	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với thời hạn 05 năm, đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2023.
- (iv) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.



**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	459.264.548.182	358.615.337.133
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	299.327.370.643	182.233.019.129
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	159.937.177.539	176.382.318.004
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	40.746.097.094	62.179.844.620
	<b>500.010.645.276</b>	<b>420.795.181.753</b>

*Trong đó:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng trong nước	417.475.383.003	333.451.825.537
Phải thu khách hàng nước ngoài	82.535.262.273	87.343.356.216
	<b>500.010.645.276</b>	<b>420.795.181.753</b>

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 27):*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	143.025.240.686	137.063.022.034
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	-	18.632.000.000
Hannover Re	166.961.545	364.101.710
Hannover Re - Malaysia Branch	550.302.782	162.381.422
	<b>143.742.505.013</b>	<b>156.221.505.166</b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng đã trích lập VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng đã trích lập VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	9.697.900.394	3.222.871.181	6.475.029.213	6.355.467.178	1.653.204.146	4.702.263.032
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	6.265.786.694	1.649.114.723	4.616.671.971	-	788.300.534	3.630.988.901
- Trust Re Malaysia	807.604.220	433.393.951	374.210.269	-	-	-
- Công ty CP Bảo hiểm Hàng không Việt Nam	557.250.130	288.865.875	268.384.255	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	501.213.626	150.519.285	350.694.341	500.588.331	204.374.397	296.213.934
- Emirate Re	326.800.524	163.400.262	163.400.262	-	-	-
- QBE Insurance Company LTD	198.607.899	139.025.529	59.582.370	-	-	-
- AON Re Asia	194.129.901	2.426.396	191.703.505	227.919.243	11.191.633	216.727.610
- Miller (Labuan) Malaysia	181.714.103	105.988.241	75.725.862	486.292.306	312.240.803	174.051.503
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	210.715.503	113.103.261	97.612.242
- Tokio Marine Kiln Singapore Pte Limited	-	-	-	161.611.971	113.128.380	48.483.591
- Phải thu các đối tượng khác	664.793.297	290.136.919	374.656.378	349.050.389	110.865.138	238.185.251

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>371.883.394.432</b>	<b>203.296.046.069</b>
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	371.763.891.853	203.013.143.158
Số dư đầu năm	203.013.143.158	197.814.338.064
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	757.029.706.586	419.935.811.074
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(588.278.957.891)	(414.737.005.980)
Số dư cuối năm	371.763.891.853	203.013.143.158
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.683.636	109.953.682
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	74.818.943	172.949.229
<b>b) Dài hạn</b>	<b>30.432.612.127</b>	<b>22.047.860.360</b>
- Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tại Tòa nhà PVI Tower	26.748.024.219	21.593.698.328
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.684.587.908	454.162.032
	<b>402.316.006.559</b>	<b>225.343.906.429</b>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	-	6.299.939.385	6.299.939.385
Tăng trong năm	2.688.880.000	759.846.308	3.448.726.308
- Mua sắm mới	2.688.880.000	759.846.308	3.448.726.308
Số dư cuối năm	<b>2.688.880.000</b>	<b>7.059.785.693</b>	<b>9.748.665.693</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	5.946.509.250	5.946.509.250
Trích khấu hao	110.501.916	293.405.816	403.907.732
Số dư cuối năm	<b>110.501.916</b>	<b>6.239.915.066</b>	<b>6.350.416.982</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	<b>353.430.135</b>	<b>353.430.135</b>
Tại ngày cuối năm	<b>2.578.378.084</b>	<b>819.870.627</b>	<b>3.398.248.711</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.946.131.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 5.032.271.385 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	23.908.313.000
Tăng trong năm	838.953.000
- <i>Mua sắm mới</i>	<i>838.953.000</i>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.747.266.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	23.582.671.901
Trích khấu hao	318.641.417
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.901.313.318</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	325.641.099
Tại ngày cuối năm	845.952.682

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.375.313.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23.375.313.000 VND).

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	585.093.899.382	597.251.931.058
- <i>Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>393.699.552.632</i>	<i>284.043.656.198</i>
- <i>Phải trả bồi thường bảo hiểm</i>	<i>137.748.627.968</i>	<i>261.489.184.624</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>53.645.718.782</i>	<i>51.719.090.236</i>
Phải trả khác cho người bán	29.553.338.485	35.726.301.239
	<b>614.647.237.867</b>	<b>632.978.232.297</b>

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán trong nước	445.193.707.586	464.562.760.293
Phải trả người bán nước ngoài	169.453.530.281	168.415.472.004
	<b>614.647.237.867</b>	<b>632.978.232.297</b>

*Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 27):*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	124.718.824.948	297.702.188.714
Hannover Re	1.011.546.480	1.564.436.720
Hannover Re - Malaysia Branch	19.974.545	315.505.082
	<b>125.750.345.973</b>	<b>299.582.130.516</b>



12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Trong năm		Số cuối năm VND
		Thuế phải nộp VND	Thuế đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	134.555.644	875.345.459	969.106.585	40.794.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.775.516.172	37.620.184.834	36.258.561.180	15.137.139.826
- Những năm trước	13.775.516.172	-	13.775.516.172	-
- Năm 2022	-	37.620.184.834	22.483.045.008	15.137.139.826
Thuế thu nhập cá nhân	2.738.299.877	11.486.155.865	11.548.437.638	2.676.018.104
Thuế nhà thầu	153.206.177	1.274.487.155	1.171.294.065	256.399.267
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>16.801.577.870</b>	<b>51.259.173.313</b>	<b>49.950.399.468</b>	<b>18.110.351.715</b>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	127.944.214.714	96.489.804.916
- Số dư đầu năm	96.489.804.916	113.730.285.108
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	277.533.361.018	205.193.664.403
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(246.078.951.220)	(222.434.144.595)
- Số dư cuối năm	127.944.214.714	96.489.804.916
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	602.073.138.194	4.372.295.710
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.331.220.349	846.996.390
- Ứng trước về phát hành cổ phiếu (i)	588.487.320.000	-
- Chi phí cải tạo văn phòng	1.501.631.274	-
- Phải trả PVI Holdings liên quan đến chi phí văn phòng và công nghệ thông tin	1.932.132.356	1.237.910.883
- Các khoản phải trả phải nộp khác	8.820.834.215	2.287.388.437
	<b>730.017.352.908</b>	<b>100.862.100.626</b>

- (i) Phản ánh khoản tiền Công ty Cổ phần PVI – Công ty mẹ nộp vào tài khoản phong tỏa nhận vốn góp Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An để mua cổ phiếu tăng vốn của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 343/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2022. Thời gian nhận đăng ký mua từ ngày 23 tháng 12 năm 2022 đến ngày 12 tháng 01 năm 2023. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đang hoàn thiện thủ tục phát hành thêm cổ phiếu.

Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần PVI	590.223.464.852	1.222.140.376
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	45.880.791	63.636.363
	<b>590.269.345.643</b>	<b>1.285.776.739</b>

14. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
1. Dự phòng bồi thường	2.291.366.751.963	1.749.255.012.278	542.111.739.685
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	2.169.159.562.772	1.686.676.483.358	482.483.079.414
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	122.207.189.191	62.578.528.920	59.628.660.271
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.187.085.767.903	579.276.826.818	607.808.941.085
	<b>3.478.452.519.866</b>	<b>2.328.531.839.096</b>	<b>1.149.920.680.770</b>

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	2.433.029.015.249	1.920.162.906.765	512.866.108.484
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(141.662.263.286)	(170.907.894.487)	29.245.631.201
Số dư cuối năm	<b>2.291.366.751.963</b>	<b>1.749.255.012.278</b>	<b>542.111.739.685</b>

Dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	796.219.120.133	455.434.180.580	340.784.939.553
Số trích lập trong năm	390.866.647.770	123.842.646.238	267.024.001.532
Số dư cuối năm	<b>1.187.085.767.903</b>	<b>579.276.826.818</b>	<b>607.808.941.085</b>

Dự phòng dao động lớn	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	125.312.974.367	105.590.899.255
Số trích lập thêm trong năm	35.777.195.967	19.722.075.112
Số dư cuối năm	<b>161.090.170.334</b>	<b>125.312.974.367</b>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	728.000.000.000	46.954.054.449	167.799.486.957	942.753.541.406
Lợi nhuận trong năm	-	-	145.780.678.146	145.780.678.146
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	7.412.254.338	(7.412.254.338)	-
Chi trả cổ tức	-	-	(182.000.000.000)	(182.000.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	(11.692.019.907)	(11.692.019.907)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>54.366.308.787</b>	<b>112.475.890.858</b>	<b>894.842.199.645</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	152.660.671.391	152.660.671.391
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	7.565.409.521	(7.565.409.521)	-
Chi trả cổ tức (ii)	-	-	(116.480.000.000)	(116.480.000.000)
Trích các quỹ trong năm (iii)	-	-	(7.289.033.906)	(7.289.033.906)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>61.931.718.308</b>	<b>133.802.118.822</b>	<b>923.733.837.130</b>

- (i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
- (ii) Chia cổ tức cho cổ đông bao gồm:
- Tạm ứng cổ tức lần 02 năm 2021 theo Nghị quyết số 25/NQ-PVIRE ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Quản trị với số tiền 50.960.000.000 VND, tương ứng 7% vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là ngày 20 tháng 6 năm 2022.
  - Tạm ứng cổ tức lần 01 năm 2022 theo Nghị quyết số 45/NQ-PVIRE ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Quản trị với số tiền 65.520.000.000 VND, tương ứng 9% vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là ngày 08 tháng 12 năm 2022.
- (iii) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022.





Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	2.444.143.777.316	1.630.119.137.248
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	691.369.620.078	617.882.931.579
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	445.441.302.556	198.512.457.716
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	349.709.101.422	254.106.946.351
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	311.335.695.930	157.740.910.233
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	186.554.957.760	165.316.378.527
<i>Bảo hiểm con người</i>	173.750.313.633	13.347.878.587
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	162.720.197.935	126.223.244.330
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	18.842.774.808	38.571.337.934
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	74.931.116	(971.356.797)
<i>Bảo hiểm khác</i>	104.344.882.078	59.388.408.788
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(390.866.647.770)	(59.607.786.006)
	<b>2.053.277.129.546</b>	<b>1.570.511.351.242</b>

17. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.251.570.578.399	972.716.633.517
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	453.244.665.804	411.326.360.519
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	3.179.503.841	3.237.053.092
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	195.888.644.496	147.532.381.877
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	306.593.094.806	155.710.312.576
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	128.134.896.225	106.468.692.835
<i>Bảo hiểm con người</i>	1.246.114.377	996.744.139
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	105.088.992.435	92.611.267.290
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	19.664.670.822	42.049.641.346
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	-	(4.667.515)
<i>Bảo hiểm khác</i>	38.529.995.593	12.788.847.358
(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(123.842.646.238)	(12.018.981.317)
	<b>1.127.727.932.161</b>	<b>960.697.652.200</b>



18. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi bồi thường	937.436.986.841	825.525.728.022
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	346.134.419.302	258.851.026.227
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	178.600.883.739	52.934.709.084
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	55.896.068.104	57.830.934.994
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	98.813.659.058	52.697.399.716
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	161.567.716.601	165.783.009.860
<i>Bảo hiểm con người</i>	31.902.178.019	1.116.115.201
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	12.302.169.847	120.022.831.855
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	42.345.107.963	102.342.752.477
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	5.961.091	3.176.690.628
<i>Bảo hiểm khác</i>	9.868.823.117	10.770.257.980
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	(560.436.291.722) (141.662.263.286)	(625.948.058.350) 365.751.475.406
Giảm/(Tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	170.907.894.487	(317.672.585.707)
	<b>406.246.326.320</b>	<b>247.656.559.371</b>

19. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	588.278.957.891	414.737.005.980
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	5.923.880.255	6.437.112.518
Chi khác nhận tái bảo hiểm	21.152.331.743	16.052.392.549
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	60.947.901.596	52.812.411.803
Trong đó:		
<i>Chi phí nhân viên</i>	26.853.150.446	28.033.097.011
<i>Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)</i>	(5.177.666.906)	-
<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	927.364.843	312.725.665
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	4.582.980.641	1.771.123.143
<i>Chi phí khác</i>	33.762.072.572	22.695.465.984
	<b>676.303.071.485</b>	<b>490.038.922.850</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 với số tiền 10,4 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	94.482.777.317	94.539.282.606
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.967.420.129	23.296.191.511
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.131.490.285	37.041.090.500
	<b>183.581.687.731</b>	<b>154.876.564.617</b>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.865.402.436	19.043.720.226
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	6.899.063.716	7.479.071.203
Chi phí lãi vay	2.755.126.661	-
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	251.529.690	636.363.636
	<b>38.771.122.503</b>	<b>27.159.155.065</b>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.304.543.163	24.980.969.597
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(5.245.015.351)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.322.406.614	1.366.519.931
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.006.126	1.174.864.990
Thuế, phí và lệ phí	4.362.781.752	3.566.636.101
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.595.489.563	(744.052.405)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.404.517.552	6.360.224.280
Chi phí khác	2.297.564.639	2.369.410.405
	<b>35.631.294.058</b>	<b>39.074.572.899</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 với số tiền 10,4 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm	406.246.326.320	247.656.559.371
Tăng dự phòng dao động lớn	35.777.195.967	19.722.075.112
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	588.278.957.891	414.737.005.980
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	5.923.880.255	6.437.112.518
Chi khác nhận tái bảo hiểm	21.152.331.743	16.052.392.549
Chi phí nhân viên	50.157.693.609	53.014.066.608
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(10.422.682.257)	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.006.126	1.174.864.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.987.498.193	8.131.347.423
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.595.489.563	(744.052.405)
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.249.771.457	1.679.245.596
Chi phí khác	40.422.418.963	28.631.512.490
	<b>1.153.957.887.830</b>	<b>796.492.130.232</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 với số tiền 10,4 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	190.280.856.225	182.599.385.261
Các khoản điều chỉnh		
Cộng:	3.103.954.024	565.521.233
- Thủ lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	415.694.805	184.700.759
- (Lỗi)/Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước nhưng đã thực hiện trong năm nay	(2.498.550.900)	-
- Chi phí không được khấu trừ khác	5.186.810.119	380.820.474
Trừ:	(5.283.886.078)	928.629.081
- Doanh thu không chịu thuế (Cổ tức từ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp)	(6.333.695.359)	(1.235.779.530)
- (Lãi)/Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	1.049.809.281	2.464.408.611
- Các khoản không chịu thuế khác	-	(300.000.000)
Thu nhập chịu thuế	188.100.924.171	184.093.535.575
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	37.620.184.834	36.818.707.115
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>37.620.184.834</b>	<b>36.818.707.115</b>

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	152.660.671.391	145.780.678.146
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	152.660.671.391	145.780.678.146
Trừ số trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	(6.564.408.870)	(11.662.454.251)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>146.096.262.521</b>	<b>134.118.223.895</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.800.000	72.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.007</b>	<b>1.842</b>

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 03.



**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	601.499.861.209	601.499.861.209	37.995.524.279	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.810.913.676	493.810.913.676	416.963.597.712	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	2.103.017.930.000	2.117.340.559.799	1.963.544.154.499	1.978.584.993.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.198.328.704.885</b>	<b>3.212.651.334.684</b>	<b>2.418.503.276.490</b>	<b>2.433.544.115.051</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả cho người bán và phải trả khác	1.215.389.155.712	1.215.389.155.712	636.503.531.617	636.503.531.617
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.215.389.155.712</b>	<b>1.215.389.155.712</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>636.503.531.617</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính bằng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 05.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro tái bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản (VND tương đương)</b>		<b>Công nợ (VND tương đương)</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đô la Mỹ (USD)	213.233.747.689	207.390.987.690	239.506.122.568	335.087.084.868
Euro (EUR)	28.869.755.047	27.258.335.724	29.831.635.357	38.491.502.354
Won Hàn Quốc (KRW)	4.226.218.177	6.919.699.256	5.393.698.071	12.297.471.086
Rupee Ấn Độ (INR)	85.611.365	571.535.012	600.169.078	2.386.245.038
Khác	6.339.300.173	3.713.303.963	5.056.601.775	3.729.433.923

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

<b>Loại tiền</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	(525.447.498)	(2.553.921.944)
Won Hàn Quốc (KRW)	(23.349.598)	(107.555.437)
Euro (EUR)	(19.237.606)	(224.663.333)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền	601.499.861.209	-	601.499.861.209
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.810.913.676	-	493.810.913.676
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.329.472.480.000	773.545.450.000	2.103.017.930.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.424.783.254.885</b>	<b>773.545.450.000</b>	<b>3.198.328.704.885</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	1.215.389.155.712	-	1.215.389.155.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.215.389.155.712</b>	<b>-</b>	<b>1.215.389.155.712</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.209.394.099.173</b>	<b>773.545.450.000</b>	<b>1.982.939.549.173</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền	37.995.524.279	-	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	416.963.597.712	-	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.219.628.504.499	743.915.650.000	1.963.544.154.499
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.674.587.626.490</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>2.418.503.276.490</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	636.503.531.617	-	636.503.531.617
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>-</b>	<b>636.503.531.617</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.038.084.094.873</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>1.781.999.744.873</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Re	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Re - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Rück SE - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ

Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ	4.149.185.261	2.871.258.324
Cổ tức đã trả	85.158.528.000	133.067.062.500
Nhận ứng trước tiền mua cổ phiếu phát hành tăng vốn	588.487.320.000	-
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	1.441.199.793.552	988.798.492.953
Chi hoa hồng và chi phí khác nhận tái bảo hiểm	332.379.884.017	268.519.011.301
Chuyển phí nhượng tái	176.025.581.149	190.350.744.554
Phí nhượng tái được hoàn	-	2.332.759.859
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	52.158.700.157	53.227.913.204
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	66.779.806.805	81.052.711.192
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	676.255.260.670	642.767.538.855
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phí tư vấn đầu tư	251.529.690	636.363.636
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Góp vốn trong năm	100.000.000.000	-
Cổ tức được nhận	34.814.090.285	18.409.090.500
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Cổ tức được nhận	21.920.000.000	18.632.000.000
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Chuyển phí nhượng tái	1.061.265.156	1.013.870.674
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	867.175.709	2.262.151.077
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(6.292.083)	(14.777.687)
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	345.503	1.233.194
<b>Hannover Re</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	15.231.878.955	21.396.619.724
Chuyển phí nhượng tái	47.792.358	(168.199.255)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	2.913.281.729	4.126.319.730
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	85.809.694	35.998.757
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	16.966.277	(59.710.572)





Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Phải thu khác	-	31.149.532
Phải trả khác	590.223.464.852	1.222.140.376
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	143.025.240.686	137.063.022.034
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	124.718.824.948	297.702.188.714
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phải thu khác	2.027.134.718	-
Phải trả khác	45.880.791	63.636.363
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	304.545.450.000	204.545.450.000
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	274.000.000.000	274.000.000.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	18.632.000.000
<b>Hannover Re</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	166.961.545	364.101.710
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	1.011.546.480	1.564.436.720
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	550.302.782	162.381.422
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	19.974.545	315.505.082

**Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương sau thuế của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Vũ Văn Thắng	569.783.500	578.298.811
Ông Trịnh Văn Lượng	108.000.000	63.857.143
Ông Phùng Tuấn Kiên	47.308.442	-
Ông Trần Duy Cương	46.285.714	5.785.714
Ông Nguyễn Anh Tuấn	34.077.273	192.759.457
Ông Dương Thanh Francois	29.045.455	-
Ông Nguyễn Phúc Anh	14.522.727	-
Ông Trương Minh Đức	2.314.286	26.614.286
Ông Nguyễn Anh Vũ	-	13.371.429
Ông Lâm Nhật Sơn	-	13.371.429
Ông Alexander Nicolai Neumann	-	13.371.429
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Trịnh Anh Tuấn	1.721.242.289	1.299.234.167
Bà Lê Thị Thúy	1.170.528.489	878.989.067
Ông Nguyễn Hồng Long	1.137.709.989	851.318.567
Ông Nguyễn Anh Hùng	688.691.911	-
Ông Ngô Thanh Hải	944.936.799	705.299.067
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	280.937.468	698.471.037
	<b>6.795.384.341</b>	<b>5.340.741.603</b>



Tiền lương bổ sung sau thuế của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhận được trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Vũ Văn Thắng	941.065.632	231.760.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	408.595.108
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Trịnh Anh Tuấn	1.164.768.676	2.220.075.000
Bà Lê Thị Thúy	803.502.870	1.255.150.000
Ông Nguyễn Hồng Long	745.528.750	1.238.575.000
Ông Nguyễn Anh Hùng	488.686.295	-
Ông Ngô Thanh Hải	605.930.900	742.950.000
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	129.062.746	775.450.000
	<b>4.878.545.868</b>	<b>6.872.555.108</b>

**28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	-	170.000.000.000
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	100.000.000.000	-

**29. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG**

Năm tổn thất	2018 VND	2019 VND	2020 VND	2021 VND	2022 VND	Tổng số VND
<b>Số ước tính chi bồi thường lũy kế</b>						
Vào cuối năm tổn thất	366.870.411.602	298.794.437.187	298.508.704.931	1.063.906.787.030	467.348.114.322	467.348.114.322
1 năm sau	751.265.014.622	666.634.624.206	570.673.702.662	1.429.488.350.800	-	1.429.488.350.800
2 năm sau	863.547.940.661	688.811.349.752	654.720.851.469	-	-	654.720.851.469
3 năm sau	794.021.698.615	710.303.474.049	-	-	-	710.303.474.049
4 năm sau	756.583.097.629	-	-	-	-	756.583.097.629
<b>Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)</b>	<b>756.583.097.629</b>	<b>710.303.474.049</b>	<b>654.720.851.469</b>	<b>1.429.488.350.800</b>	<b>467.348.114.322</b>	<b>4.018.443.888.269</b>
<b>Số đã chi trả bồi thường lũy kế</b>						
Vào cuối năm tổn thất	20.812.452.370	37.816.822.787	37.331.936.925	110.009.482.576	106.240.496.911	106.240.496.911
1 năm sau	187.685.452.868	330.811.470.517	247.569.522.678	571.321.993.213	-	571.321.993.213
2 năm sau	357.890.461.179	482.302.619.676	377.830.377.346	-	-	377.830.377.346
3 năm sau	601.890.900.309	580.145.592.765	-	-	-	580.145.592.765
4 năm sau	662.114.721.338	-	-	-	-	662.114.721.338
<b>Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)</b>	<b>662.114.721.338</b>	<b>580.145.592.765</b>	<b>377.830.377.346</b>	<b>571.321.993.213</b>	<b>106.240.496.911</b>	<b>2.297.653.181.573</b>
<b>Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)</b>	<b>94.468.376.291</b>	<b>130.157.881.284</b>	<b>276.890.474.123</b>	<b>858.166.357.587</b>	<b>361.107.617.411</b>	<b>1.720.790.706.696</b>
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước						448.368.856.076
<b>Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm</b>						<b>2.169.159.562.772</b>

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và của niên độ trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.



**Trần Thị Thùy Nhung**  
Người lập biểu



**Ngô Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Trịnh Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023